ABOUT MEMBERS' SPORT POPULATION AND SPENDING AT DANCESPORT CLUBS FOR STUDENTS IN THANH HOA

To Thi Huong

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism
Email: *tothihuong@dvtdt.edu.vn*

Received: 06/01/2022
Reviewed: 01/4/2022
Revised: 05/4/2022
Accepted: 23/5/2022
Released: 30/5/2022

DOI:

The paper surveyed the characteristics of sport population and spending to deploy dancesport models for students in Thanh Hoa province. The extended dancesport club attracted social resources, maintaining student activities and contributing to physical development for the needs of students and the masses in Thanh Hoa province.

Key words: Population; sport spending; dancesport; students in Thanh Hoa.

1. Giới thiệu

Theo mục tiêu Đề án tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025, phấn đấu 100% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học có câu lạc bộ (CLB) các môn thể thao dành cho học sinh sinh viên (HSSV) và được duy trì hoạt động thường xuyên [9]. Chiến lược phát triển thể dục thể thao (TDTT) Việt Nam đến năm 2020 của Chính phủ xác định nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động thể thao trường học là: *Xây dựng các loại hình CLB TDTT trường học; khuyến khích HSSV dành thời gian từ 2 - 3 giờ/tuần để tham gia hoạt động TDTT ngoại khoá trong các CLB, các lớp năng khiếu thể thao* [8].

Khiêu vũ thể thao du nhập vào Việt Nam cách đây hơn 10 năm, là môn thể thao có sự kết hợp giữa âm nhạc và chuyển động cơ thể, phù hợp với tố chất của người Việt Nam. Phong trào khiêu vũ thể thao hiện nay ngày càng phát triển cùng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Các giải thi đấu khiêu vũ mang tính chất quốc gia và quốc tế đã được tổ chức thường niên. Việt Nam đã có tên trong bản đồ khiêu vũ quốc tế [10]. Theo đó, việc khảo sát đặc điểm nhân khẩu và tiêu dùng TDTT là những nhân tố cần tiếp cận, để triển khai tổ chức nghiên cứu mô hình phát triển khiêu vũ thể thao (Dancesport) trong sinh viên các trường đại học tỉnh Thanh Hóa; thông qua loại hình CLB khiêu vũ thể thao sinh viên mở rộng nhằm chia sẻ cộng đồng, thu hút nguồn lực xã hội để phát triển, duy trì hoạt động của CLB thể thao sinh viên, góp phần phát triển thể chất, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và quần chúng ở tỉnh Thanh Hóa.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

TDTT là loại hoạt động văn hóa xã hội, có ý thức, có kế hoạch lấy bài tập thể lực luyện tập thân thể làm phương thức cơ bản để tăng cường thể chất, thúc đẩy con người phát triển toàn diện, làm phong phú đời sống văn hóa xã hội và kiến tạo văn minh tinh thần. Các loại hình hoạt động cơ bản của TDTT bao gồm: Giáo dục thể chất và thể thao trường học, TDTT quần chúng, TDTT thành tích cao [1].

Nhân khẩu TDTT (Sports population) là tổng số những người luyện tập TDTT thường xuyên (nhân khẩu trực tiếp) và những người xem thi đấu thể thao thường xuyên (nhân khẩu gián tiếp) trong tổng số dân cư của mỗi quốc gia. Thông thường nhân khẩu TDTT chỉ tính nhân khẩu trực tiếp. Cách tính nhân khẩu trực tiếp tùy theo mỗi quốc gia: phát phiếu điều tra khoảng vài chục ngàn dân tiêu biểu một số địa phương làm căn cứ tính ra phần trăm nhân khẩu trực tiếp trong tổng số dân cư; phỏng vấn qua điện thoại khoảng vài chục ngàn dân tiêu biểu một số địa phương làm căn cứ tính ra phần trăm nhân khẩu trực tiếp trên tổng số dân cư [1].

Tiêu dùng TDTT chỉ chi tiêu của cá nhân trong hoạt động thể thao. Tiêu dùng TDTT không chỉ chi phí mua vé đi xem các trận thi đấu thể thao hay biểu diễn thể thao, mà quan trọng hơn là tham gia các hoạt động thể thao cá nhân để tăng cường sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển thể lực và trí lực một cách cân đối, hài hòa.

Tiêu dùng TDTT theo nghĩa rộng là tiêu thụ TDTT cá nhân có liên quan trực tiếp đến hoạt động thể thao. Hay nói cách khác, người tiêu dùng chi tiêu tiền tệ trực tiếp về thể thao và các chi tiêu khác đi kèm. Tiêu thụ thể thao phải chi tiêu một lượng nhất định, là điều kiện tiền đề để mọi người tham gia các hoạt động thể thao, cũng là tiền đề và bảo đảm cho sự sinh tồn và phát triển của hoạt động thể thao. Đồng thời cũng là cơ sở xã hội khai thác và phát triển lớn mạnh của thị trường tiêu thụ thể thao [1].

Tiêu dùng TDTT là một bộ phận cấu thành quan trọng trong tiêu dùng vui chơi giải trí và tiêu khiển xã hội, chiếm một vị trí quan trọng trong tiêu dùng thời gian nghỉ ngơi cá nhân. Tiêu dùng TDTT hiểu theo nghĩa hẹp là tiêu thụ thể thao cá nhân, có liên quan trực tiếp đến hoạt động thể thao chẳng hạn như mua thiết bị hay trang phục thể thao. Tiêu thụ TDTT theo nghĩa rộng là tiêu thụ có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động thể thao [3].

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu thường quy trong nghiên cứu khoa học TDTT: Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp thống kê mô tả và phương pháp toán học thống kê. Khách thể khảo sát gồm 150 hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng (60 sinh viên và 90 hội viên các đối tượng xã hội).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm liên quan

4.1.1. Câu lạc bộ thể dục thể thao

CLB là tổ chức xã hội bao gồm một tập hợp người nhất định trên cơ sở tự nguyện, tự giác và ham thích một mặt nào đó của xã hội [66], [2], [5]. Mặt hoạt động này trước hết phục vụ trực tiếp về đời sống tinh thần và vật chất cho người tham gia, đồng thời có phục vụ cho

xã hội. Bản chất của CLB là tổ chức xã hội, hình thành do nhu cầu, nguyện vọng của một nhóm người; phục vụ trực tiếp cho nhóm người đó và phục vụ xã hội.

Trong quy chế tổ chức và hoạt động của CLB TDTT được ban hành theo Quyết định số 1589/2003/QĐ-UBTDTT ngày 19/9/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban TDTT thì "CLB TDTT là một tổ chức xã hội, được thành lập để tổ chức, hướng dẫn tập luyện TDTT cho người tập. CLB được tổ chức theo loại hình công lập và ngoài công lập" [11].

Theo Dương Nghiệp Chí, Vũ Thái Hồng (2009): "CLB TDTT là hình thức tổ chức hoạt động TDTT của những người cùng hứng thú đạt đến mục tiêu của TDTT được thành lập theo trình tự quy định, có cơ sở vật chất hoặc sân bãi tương đối ổn định, được tổ chức hướng dẫn theo kế hoạch" [2]. Khái niệm này đề cập tới cả các CLB TDTT hoạt động theo hình thức công lập và ngoài công lập, có phí và không có phí... Trong luật TDTT năm 2006 và Luật TDTT sửa đổi (năm 2013), xác định CLB TDTT là loại hình cơ sở thể thao [7]; Là một tổ chức xã hội về TDTT, là nền tảng, tế bào của hệ thống tổ chức, quản lý TDTT, là đơn vị cơ sở TDTT. Người tập trong CLB là những người có cùng sở thích về hoạt động TDTT trên cơ sở tự nguyện, tự giác. Tổ chức quản lý và hoạt động có tổ chức theo quy chế và pháp luật hiện hành, có kế hoạch chương trình hoạt động thiết thực. Như vậy, CLB TDTT là đơn vị cơ sở TDTT có trình độ tổ chức cao và hoàn thiện ở cơ sở [2], [11].

4.1.2. Nhân khẩu học thể dục thể thao

Nhân khẩu học là khoa học nghiên cứu thống kê về dân số loài người. Đây là một ngành khoa học chung có thể áp dụng cho bất cứ một quần thể dân số nào mà có sự thay đổi theo thời gian và không gian. Phân tích nhân khẩu học có thể áp dụng cho toàn bộ xã hội hoặc cho các nhóm được xác định dựa trên các tiêu chí như: tuổi tác, giới tính, tình trạng và quy mô gia đình, nghề nghiệp, thu nhập, dân tộc hay tôn giáo. Từ rất lâu, nhân khẩu học đã trở thành một biến đo lường và xác định thị trường của hầu hết các doanh nghiệp dù ở phân khúc hay ngành nghề nào. Phân tích nhân khẩu học sẽ là cơ sở quan trọng để phân chia các nhóm khách hàng thành những đối tượng cụ thể, tập trung [1].

Tất cả sở thích, nhu cầu của khách hàng đều liên quan đến nhân khẩu học. Hơn nữa, việc nắm rõ yếu tố nhân khẩu học, giúp dễ dàng đo lường khách hàng của mình, có thể biết được những đặc tính riêng của từng đối tượng. Dựa vào đó việc xác định thị trường mục tiêu, địa điểm tiếp cận và thu hút khách hàng sẽ trở nên dễ dàng hơn. Nhân khẩu học có thể áp dụng cho toàn bộ xã hội hoặc cho các nhóm được xác định bởi các tiêu chí như giáo dục, quốc tịch, tôn giáo và dân tộc. Nhân khẩu học có thể được xem như là một phân ngành của xã hội học mặc dù có một số khoa nhân khẩu học riêng biệt. Đối tượng của nhân khẩu học thường là đo lường tiến trình phát triển của dân số, tuy nhiên những nghiên cứu rộng hơn về nhân khẩu học cũng bao gồm sự phân tích mối quan hệ giữa những quá trình kinh tế, xã hội, văn hóa và sinh học có ảnh hưởng đến dân số [1].

4.1.3. Tiêu dùng thể dục thể thao

Tiêu dùng (tiêu thụ) là khái niệm thuộc phạm trù kinh tế xã hội để chỉ sử dụng những của cải vật chất hoặc phi vật chất mà con người làm ra đã thỏa mãn nhu cầu của con người. Tiêu thụ là hoạt động và quá trình quan trọng trong hoạt động kinh tế của xã hội loài người,

cũng là một lĩnh vực quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Tiêu thụ đời sống chỉ hoạt động và quá trình mọi người sử dụng tư liệu đời sống hoặc sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đời sống, tiêu thụ đời sống là điều kiện tất yếu trong quá trình sinh tồn và phát triển của con người. Tiêu thụ đời sống cá nhân vô cùng đa dạng, hoạt động tiêu thụ đời sống cá nhân có thể xem xét ở nhiều góc độ như đáp ứng các nhu cầu: sinh tồn, phát triển, hưởng thụ. Quá trình hoạt động tiêu thụ cá nhân thông thường cũng biểu hiện qua quá trình chi tiêu tiền tệ, mua sắm hàng hóa để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khác nhau của mỗi cá nhân [3].

4.2. Đặc điểm nhân khẩu học của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng

Kết quả khảo sát nhân khẩu TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng, trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng (n = 150)

TT	Biến số		Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	73	48.7
		Nữ	77	51,3
2	Lứa tuổi	Dưới 20 tuổi	9	6.0
		Từ 20 đến 30 tuổi	75	50.0
		Từ 31 đến 40 tuổi	25	16.7
		Từ 41 đến 50 tuổi	22	14.7
		Từ 51 đến 60 tuổi	14	9.3
		Trên 60 tuổi	5	3.3
3	Tình trạng hôn nhân	Có gia đình	82	54.0
		Chưa có gia đình	69	46.0
4	Trình độ học vấn	THCS	5	3.3
		THPT	33	22.0
		THCN	12	8.0
		Cao đẳng	20	13.3
		Đại học	70	46.7
		Sau Đại học	10	6.7
5	Thu nhập hàng tháng	Dưới 3 triệu/tháng	69	46.0
		Từ 3 đến 5 triệu/tháng	45	30.0
		Từ 5 đến 8 triệu/tháng	20	13.3
		Từ 8 đến 10 triệu/tháng	16	10.7
		Từ 10 đến 15 triệu/tháng	0	0.0
		Trên 15 triệu/tháng	0	0.0
6	Nghề nghiệp	Sinh viên	69	46.0
		Công nhân viên chức	19	12.7
		Văn hóa nghệ thuật	3	2.0
		Nội trợ	18	12.0
		Doanh nghiệp nước	0	0.0
		Doanh nghiệp tư nhân	5	3.3

		Doanh nghiệp nhà nước	7	4.7
		Kinh doanh tại nhà	4	2.6
		Khác	25	16.7
7	Sức khoẻ	Bình thường	95	63.3
		Không bình thường	40	26.7
		Bệnh xã hội	15	10.0

Qua bảng 1 cho thấy về độ tuổi, số hội viên đến 30 tuổi chiếm 75 người (50.0%), từ 31 đến 50 tuổi là 47 người (31.33%), số còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ là các đối tượng dưới 20 tuổi và trên 50 tuổi; Số hội viên dưới 30 tuổi hầu hết là sinh viên hay những người đang làm việc; Về tình trạng hôn nhân, 82 người (54.0%) đã lập gia đình; Về trình độ học vấn, 38 người (25.3%) tốt nghiệp phổ thông, 32 người (21.33%) có trình độ trung cấp, cao đẳng, 80 người (53.33%) đang học đại học và sau đại học; Thu nhập bình quân hàng tháng, dưới 5 triệu đồng có 114 người (76.0%), từ 5 đến 10 triệu đồng có 36 người (24.0%); Về nghề nghiệp, số hội viên sinh viên là 69 người (46.0%), số hội viên là công chức, viên chức 22 người (14.67%), số hội viên là doanh nhân 12 người (8.0%), các đối tượng khác 47 người (31.335); Về tình trạng sức khoẻ (hội viên tự đánh giá): 95 người (63.33%) sức khoẻ bình thường, số này tập trung vào những người độ tuổi sinh viên và đang làm việc, 40 người (26.67%) sức khỏe yếu, tập trung vào những người trung cao tuổi và 15 người (10.0%) mắc bệnh xã hội.

4.3. Đặc điểm tiêu dùng TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng

Kết quả khảo sát về tiêu dùng TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng, trình bày ở bảng 2.

Bảng 2: Kết quả khảo sát tiêu dùng thể thao của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng (n = 150)

TT	Biến số	Thời điểm/mức chi	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
1	Thời điểm tập trong ngày	Sáng	49	32.7
		Trưa	15	10.0
		Chiều	27	18.0
		Tối	59	39.3
2	Số buổi tập trong 1 tuần	1 buổi	9	6.0
		2 buổi	56	37.3
		3 buổi	75	50.0
		4 buổi	7	4.7
		Thường xuyên	3	2.0
3	Số tháng tập	6 tháng	37	24.7
		12 tháng	30	20.0
		24 tháng	45	30.0
		36 tháng	38	25.3
4	Mua sắm trang phục, dụng cụ	Từ 200 - 300.000	66	44.0

	(đồng/1 năm)	Từ 300 - 400.000	17	11.33
		Từ 400 - 500.000	53	35.55
		Từ 500 - 600.000	14	9.33
		Từ 600 - 700.000	0	0
5	Phí hội viên (đồng/1 tháng)	Từ 200 - 300.000	57	38.0
		Từ 300 - 400.000	25	16.67
		Từ 400 - 500.000	37	24.67
		Từ 500 - 600.000	20	13.33
		Trên 600.000	11	7.33
6	Chi khác (đồng/1 tháng):	Từ 200 - 300.000	119	79.33
	Nước uống	Từ 100 - 200.000	150	100.0
	Di chuyển	Từ 200 - 300.000	57	38.0
	Thư giãn, hồi phục	Từ 100 - 200.000	132	88.0
	Giao lưu			

Qua bảng 2, cho thấy: Thời điểm tập luyện hàng ngày có 49 người (32.75) tập vào buổi sáng, 86 người (57.33%) tập vào buổi chiều và tối, số còn lại chỉ có 15 người (10.0%) tập vào buổi trưa; Số buổi tập trong tuần, chiếm tỷ lệ cao nhất là 115 người (76.67%) tập luyện từ 2 - 3 buổi/tuần, số ít người (4 - 5%) tập 1 buổi hoặc trên 3 buổi/tuần; Số tháng tập, chiếm tỷ lệ cao là 75 người (50.0%) có từ 12 - 24 tháng tập khiêu vũ thể thao, chiếm tỷ lệ thấp hơn cả là 37 người (24.7%) tập 6 tháng và 38 người (25.3%) tập 36 tháng; Chi mua sắm trang phục, dụng cụ, chiếm đa số là 136 người, chiếm 90.67% mức chi dưới 500.000đ/năm, trong đó hầu hết sinh viên có mức chi dưới 300.000đ/năm; Phí hội viên/tháng, 60 người đóng phí hội viên với mức từ 200.000 - 300.000 đồng, chủ yếu là sinh viên, số còn lại tùy điểm tập mức phí từ 400.000 - 600.000 đồng, chủ yếu là các đối tượng ngoài xã hội - là đối tượng mở rộng, phải đóng phí nhiều hơn vì để chia sẻ với đối tượng là sinh viên về phí thuê địa điểm, thù lao CTV và quản lý phí; Các chi khác như nước uống, đi lại, thư giãn hồi phục, giao lưu, bình quân mức chi từ 200.000 - 300.000 đồng cho mỗi khoản/người/tháng.

5. Thảo luận

Phân tích nhân khẩu là cơ sở quan trọng để phân chia các nhóm khách hàng thành những đối tượng cụ thể. Tất cả sở thích, nhu cầu của khách hàng đều liên quan đến nhân khẩu. Phân tích nhân khẩu có thể áp dụng cho toàn bộ xã hội hoặc cho các nhóm được xác định dựa trên các tiêu chí như: tuổi tác, giới tính, tình trạng và quy mô gia đình, nghề nghiệp, thu nhập [1]. Kết quả khảo sát nhân khẩu TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng, cho thấy đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp, thành phần xã hội và mức sống, mức thu nhập. Trong đó, đối tượng là sinh viên và công chức, viên chức chiếm tỷ lệ cao, có khả năng chia sẻ và tạo thành một cộng đồng TDTT theo mô hình CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng.

Kết quả khảo sát tiêu dùng TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng cho thấy: Thời gian vật chất dành cho tập luyện mới đạt bình quân gần 30 phút/ngày; Chi cho mua sắm trang phục, dụng cụ tập luyện và hội phí, tính bình quân 300.000

đồng/người/năm thì mới đạt 0.05% thu nhập bình quân/người; Là mức tiêu thụ TDTT khá khiêm tốn, phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế, nhất là đối tượng sinh viên; Cần thiết đề xuất giải pháp phù hợp tăng cường tiêu thụ TDTT đối với CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có điểm tương đồng và cũng có điểm khác so với các công trình nghiên cứu trước như: Theo nghiên cứu Nguyễn Đức Thành, thời lượng 01 buổi/tuần, mỗi buổi tập <30 phút là chủ yếu (42.2%), thời điểm tập luyện đa số ngay sau giờ học chiều (buổi tối). Theo nghiên cứu của Phùng Xuân Dũng đại đa số sinh viên của nhà trường đều tập luyện với thời lượng quá ít 01 buổi trong một tuần, khoảng 30 - 45 phút trong một buổi tập, chủ yếu tập trung vào lúc 19 - 20 giờ buổi tối chiếm tỷ lệ (71.3%) đây là thời điểm mà các em vừa học xong các giờ học chính khóa căng thẳng và tập luyện chủ yếu ở nhà trường [6].

6. Kết luận

Kết quả khảo sát nhân khẩu TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng, cho thấy đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp, thành phần xã hội và mức sống, mức thu nhập. Trong đó, đối tượng là sinh viên và công chức, viên chức chiếm tỷ lệ cao, có khả năng chia sẻ và tạo thành một cộng đồng TDTT theo mô hình CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên tỉnh Thanh Hóa mở rộng.

Kết quả khảo sát tiêu dùng TDTT của hội viên CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng cho thấy: Thời gian vật chất dành cho tập luyện mới đạt bình quân gần 30 phút/ngày; Chi cho mua sắm trang phục, dụng cụ tập luyện và hội phí, tính bình quân 300.000 đồng/người/năm thì mới đạt 0.05% thu nhập bình quân/người; Là mức tiêu thụ TDTT khá khiêm tốn, phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế, nhất là đối tượng sinh viên; Cần thiết đề xuất giải pháp phù hợp tăng cường tiêu thụ TDTT đối với CLB Khiêu vũ Thể thao sinh viên Thanh Hóa mở rộng.

Tài liệu tham khảo

[1]. Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001), *Xã hội học TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội.

[2]. Dương Nghiệp Chí, Vũ Thái Hồng (2006), *"Xây dựng thiết chế sự nghiệp TDTT cơ sở"*, Tạp chí *Khoa học TDTT, (7*), Viện Khoa học TDTT, tr.12.

[3]. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành, Phạm Ngọc Viễn, Tạ Xuân Lai (2007), *Tài sản TDTT kinh doanh và quản trị*, Nxb TDTT, Hà Nội, tr.27 - 30, 97.

[4]. Dương Nghiệp Chí, Vũ Thái Hồng (2007), *"Thiết chế sự nghiệp TDTT ở phường, xã và trường học"*, Tạp chí *Khoa học TDTT,* (3), Viện Khoa học TDTT, Hà Nội, tr.4.

[5]. Hoàng Công Dân (2017), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao quần chúng,* Nxb TDTT Hà Nội.

[6]. Phùng Xuân Dũng (2017), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khoá cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội,* Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

[7]. Vũ Thái Hồng, Lương Kim Chung, Dương Nghiệp Chí (2009), *Xã hội học TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội, tr.449.

[8]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), *Luật Thể dục*, *thể thao,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9]. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 3/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020.*

[10]. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.*

[11]. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2011), *Khiêu vũ Thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.

[12]. Ủy ban TDTT (2003), *Quyết định số 1589/2003/QĐ-UBTDTT ngày 19/9/2003 về "Quy chế tổ chức và hoạt động CLB TDTT ở cơ sở".*

ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU VÀ TIÊU DÙNG THỂ DỤC THỂ THAO CỦA HỘI VIÊN CÂU LẠC BỘ KHIÊU VŨ THỂ THAO SINH VIÊN THANH HÓA MỞ RỘNG

Tô Thị Hương

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Email: *tothihuong@dvtdt.edu.vn*

Ngày nhận bài: 06/01/2022
Ngày phản biện: 01/4/2022
Ngày tác giả sửa: 05/4/2022
Ngày duyệt đăng: 23/5/2022
Ngày phát hành: 30/5/2022

DOI:

Khảo sát đặc điểm nhân khẩu và tiêu dùng thể dục thể thao (TDTT) làm cơ sở trong việc triển khai, tổ chức mô hình phát triển khiêu vũ thể thao (Dancesport) trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng tỉnh Thanh Hóa. Loại hình câu lạc bộ (CLB) khiêu vũ thể thao sinh viên mở rộng hướng tới chia sẻ rộng rãi trong cộng đồng; thu hút nguồn lực xã hội để phát triển; duy trì hoạt động của CLB cho sinh viên, góp phần phát triển thể chất, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và quần chúng ở tỉnh Thanh Hóa.

Từ khóa: Nhân khẩu; Tiêu dùng thể dục thể thao; Khiêu vũ thể thao; Sinh viên Thanh Hóa